

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2026/DS-ST

Ngày: 28 - 5 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thu An

Ông Phan Văn Cảnh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Mỹ Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950

CCCD số xxxxxxxxxxx32, ngày cấp: xx/xx/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ thường trú: khu phố 5, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện nay: ấp X, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1984

CCCD số xxxxxxxxxxx50, ngày cấp xx/xx/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ: tổ 6, khu phố Y, xã T, tỉnh Đồng Nai, nay là tổ 6, khu phố Y, phường T, thành phố Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngụy Thị M, sinh năm 1955

CCCD số xxxxxxxxxxx65, ngày cấp: xx/xx/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ: ấp X, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2026 cùng các bản khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 18/12/2024 ông Nguyễn Văn Q và ông Lê Văn N có ký Hợp đồng vay tiền, theo đó ông Q có cho ông N vay số tiền

190.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận cụ thể như sau: Thời hạn vay là 06 tháng; Phương thức vay là bằng tiền mặt; Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng và thời hạn thanh toán lãi suất tháng đầu tiên là vào ngày 31/01/2025, các tháng tiếp theo thanh toán lãi suất vào ngày cuối cùng của tháng dương lịch. Hợp đồng vay tiền được công chứng chứng thực vào ngày 18/12/2024 tại Văn phòng công chứng Dương Anh D (địa chỉ hiện nay là: Quốc lộ 13, khu phố 1, phường T, thành phố Đồng Nai). Số tiền ông Q cho ông N vay là tài sản chung của vợ chồng ông Q và bà M.

Hết thời hạn 6 tháng như trong thỏa thuận thì ông N có viết Giấy xin gia hạn thời hạn trả nợ với ông Q thêm 6 tháng tính từ ngày 30/6/2025 cho đến 30/12/2025. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thỏa thuận theo trong Hợp đồng và theo Giấy xin gia hạn thì bị đơn ông N không thanh toán nợ gốc, lãi đã vay. Vì vậy ông Q khởi kiện yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 190.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 18/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2026 với mức lãi suất 1,5%/tháng. Ngoài ra ông Q không có yêu cầu gì thêm.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án: Hợp đồng vay tiền đề ngày 18/12/2024 (bản gốc); Giấy xin gia hạn (bản gốc).

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai đề ngày 07/4/2026 bị đơn ông Lê Văn N trình bày:

Ông N thừa nhận ngày 18/12/2024 có xác lập Hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Văn Q để vay ông Q số tiền 190.000.000 đồng; Phương thức vay là tiền mặt; Thời hạn vay là 06 tháng; Lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng; Thời điểm tính lãi đầu tiên là 31/01/2025. Tuy nhiên khi hết thời hạn 06 tháng do công việc làm ăn thua lỗ nên ông Q và ông N có làm Giấy gia hạn thời hạn trả nợ gốc, lãi thêm 06 tháng từ ngày 30/6/2025 đến 30/12/2025. Hết thời hạn gia hạn trả nợ ông N vẫn không thể thanh toán nợ gốc, lãi với ông Q như thỏa thuận vì công việc làm ăn gặp rất nhiều khó khăn. Đối với yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc, lãi của ông Q thì ông N đồng ý trả, tuy nhiên ông N xin gia hạn thêm 06 tháng tính từ ngày 07/4/2026. Ông N yêu cầu được giải quyết vắng mặt ông. Ngoài ra ông N không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngụ Thụy M trình bày:

Bà M có quan hệ là vợ của ông, bà M có biết sự việc ông Q cho ông N vay số tiền 190.000.000 đồng vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu ông N trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận. Bà M có yêu cầu giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án bà M không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc

190.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 18/12/2024 cho đến 28/5/2026 với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Bị đơn ông Lê Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngụy Thụy M vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền gốc 190.000.000 đồng; Buộc bị đơn trả lãi theo thỏa thuận 1,5%/tháng tính từ ngày 18/12/2024 đến 28/5/2026.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Vào ngày 18/12/2024 ông Lê Văn N có ký Hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Văn Q để vay khoản tiền 190.000.000 đồng. Do phát sinh tranh chấp nên ông Nguyễn Văn Q khởi kiện ông Lê Văn N. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bị đơn ông Lê Văn N có địa chỉ tại khu phố 2, phường T, thành phố Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về xác lập quan hệ cho vay giữa nguyên đơn với bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 18/12/2024, bị đơn ông Lê Văn N với nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q có ký Hợp đồng vay tiền với tổng số tiền 190.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn N thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền trên. Ông N đồng ý trả cho ông Q số tiền trên nhưng yêu cầu gia hạn thời hạn trả nợ thêm 06 tháng tính từ ngày 07/4/2026. Nguyên đơn ông Q không đồng ý.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn:

+ Xét Hợp đồng vay tiền đề ngày 18/12/2024 (ghi số tiền 190.000.000 đồng) giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q với bị đơn ông Lê Văn N: Hợp đồng được công chứng chứng thực ngày 18/12/2024 tại Văn phòng công chứng Dương Anh D

(địa chỉ hiện nay: Quốc lộ 13, khu phố 1, phường T, thành phố Đồng Nai) được giao kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung không trái quy định của pháp luật, nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 400 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Căn cứ theo Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Quá trình giải quyết vụ việc bị đơn đều thừa nhận có vay của ông Q số tiền 190.000.000 đồng. Xét đây là những tình tiết sự kiện đều được các bên đương sự thừa nhận, vì vậy không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Q và bà M cùng xác định số tiền ông Q cho ông N vay là tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà M.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q buộc bị đơn ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Q, bà M số tiền gốc đã vay là có căn cứ cần được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 190.000.000 đồng.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q và ông Lê Văn N có thỏa thuận rõ về: Số tiền vay là 190.000.000 đồng; Thời hạn vay là 06 tháng; Lãi suất 1,5%/tháng; Thời hạn bắt đầu tính tiền lãi là 18/12/2024; Thời hạn trả nợ lãi tháng đầu tiên là ngày 31/01/2015, thời hạn trả lãi các tháng tiếp theo được tính vào ngày cuối cùng của tháng dương lịch, quá trình thực hiện Hợp đồng vay tiền bị đơn chưa thanh toán được khoản tiền gốc, lãi nào cho nguyên đơn. Các thỏa thuận nêu trên thể hiện trong Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2024 đều được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận là đúng. Xét đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự có quy định: “Trường hợp bên vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc không trả đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: “Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự có quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Căn cứ theo Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2024, HĐXX khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận tiền lãi 1,5%/tháng, tương đương 18%/năm. Việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, lãi suất được áp dụng là 18%/năm, tương ứng 1,5%/tháng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q được chấp nhận nên bị đơn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận là 18%/năm tương ứng 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc, cụ thể: 190.000.000 đồng, tính tiền lãi từ ngày 18/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2026 là 17 tháng 10 ngày x 190.000.000 đồng x 1,5%/tháng = 49.400.000 đồng.

Từ những căn cứ trên HĐXX có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q với bị đơn ông Lê Văn N. Buộc bị đơn ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Ngụy Thị M tổng số tiền là: 239.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là: 190.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28/5/2026 là: 49.400.000 đồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Lê Văn N phải chịu theo quy định

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Điều 164; Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q với bị đơn ông Lê Văn N.

Buộc bị đơn ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Ngụy Thị M tổng số tiền là: 239.400.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là: 190.000.000 đồng; Tiền lãi là: 49.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Văn N có nghĩa vụ phải chịu số tiền 11.970.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hưng